

VĂN BẢN ĐA PHƯƠNG THỨC VÀ TẦM QUAN TRỌNG CỦA ĐỌC HIỂU VĂN BẢN ĐA PHƯƠNG THỨC

ThS. TRẦN THỊ NGỌC*

Abstract: Multimodal texts in teaching Literature at secondary schools in Vietnam has not been mentioned much, although it is necessary for communicative competence. Awareness of the importance of reading comprehension of these texts in the context of international integration helps student cultivate knowledge, develop skills, expand relationship and adapt the real life easily.

Keywords: Multimodal texts; text comprehension multimodal.

1. Văn bản đa phương thức (VBĐPT)

Với các nước có nền giáo dục tiên tiến, VBĐPT đã được đưa vào chương trình giảng dạy bậc THPT. Ở Việt Nam, VBĐPT chưa được quan tâm nhiều, bởi vậy thuật ngữ “VBĐPT” dường như còn rất mới mẻ.

Trong cuốn sách *VCE Oxford English 1&2, re-imagining VCE English (2009)*, nhóm tác giả Michael Home, Ryan Johnstone, Susan Leslie cho rằng VBĐPT là sự kết hợp của hai hay nhiều phương thức biểu đạt khác nhau trong cùng một văn bản. Các phương thức biểu đạt đó là: ngôn ngữ, hình ảnh, audio, cử động, không gian.

Theo Annemaree O'Brien, “đa phương thức là sự kết hợp của hai hay nhiều phương thức khác nhau. Để tạo thành VBĐPT, chúng ta có thể sử dụng hai hay nhiều các phương thức sau: văn bản ngôn ngữ nói và ngôn ngữ viết thông qua sử dụng từ vựng, cấu trúc chung và ngữ pháp; âm nhạc với hiệu ứng âm thanh, thông qua sử dụng khối lượng, cường độ và nhịp điệu; hình ảnh thông qua sử dụng màu sắc, bố cục trang, định dạng màn hình, biểu tượng thị giác, định khung hình, khoảng cách vật và góc, chuyển động của camera, chủ thể chuyển động; cử chỉ của cơ thể, tay và mắt, nét mặt, ngôn ngữ cơ thể và sử dụng các nhịp điệu, tốc độ, sự yên tĩnh và góc; không gian liên quan đến không gian môi trường và không gian kiến trúc, sử dụng sự gần gũi, bố trí, vị trí của tổ chức và các đối tượng trong không gian” [1].

Như vậy, có thể hiểu, VBĐPT là một văn bản có sự kết hợp của hai hay nhiều phương thức biểu đạt khác nhau. Quảng cáo, sách điện tử, văn bản siêu liên kết... là những ví dụ về VBĐPT có sự kết hợp của ngôn ngữ, hình ảnh, audio, cử động, không gian.

VBĐPT được chia thành ba loại: *Dạng in* được hiểu là văn bản có sự kết hợp của ngôn ngữ và hình

ảnh; *dạng không in* là có sự kết hợp của hình ảnh, màu sắc, âm thanh...; *dạng tổng hợp* là dạng đầy đủ có sự kết hợp của các phương thức biểu đạt được sử dụng ở dạng in và không in.

2. Tầm quan trọng của đọc hiểu VBĐPT

2.1. Trong đời sống. Sự thay đổi của bối cảnh quốc tế và trong nước đặt ra những cơ hội và thách thức mới cho mỗi quốc gia, mỗi dân tộc, mỗi cá nhân. Hiện nay, thế giới đang hướng tới xu thế hội nhập, thống nhất trong đa dạng. Vì thế giới đang xích lại gần nhau nên thị trường lao động được mở ra. Thị trường lao động đòi hỏi cần có những công dân toàn cầu, lực lượng lao động toàn cầu đáp ứng được các đòi hỏi của xã hội hiện đại. Do đó, con người phải học tập thường xuyên, học tập suốt đời; quá trình giáo dục phải được tiến hành liên tục để người lao động thích nghi với những đổi mới của tiến bộ khoa học - công nghệ.

Khi đời sống xã hội và khoa học kĩ thuật ngày càng phát triển, nhiều loại văn bản được tạo ra bằng các hình thức biểu đạt khác nhau. Một trong những yêu cầu mà người lao động có trình độ văn hóa cần đạt được để tiếp tục học tập, nghiên cứu hoặc lao động là phải có những hiểu biết tối thiểu về VBĐPT. Từ đó, người lao động sẽ hình thành và phát triển năng lực giao tiếp bằng VBĐPT: nghe hiểu đa phương thức, đọc hiểu đa phương thức, viết VBĐPT và trình bày VBĐPT trong đó đọc hiểu VBĐPT là phương diện rất quan trọng bởi “*Nó không chỉ là một yêu cầu trong suốt thời kì trẻ thơ ở nhà trường phổ thông mà nó còn trở thành nhân tố quan trọng trong việc xây dựng, mở rộng những kiến thức, kĩ năng và chiến lược của mỗi cá nhân*”

* Trường Đại học Sư phạm - Đại học Thái Nguyên

trong suốt cuộc đời khi họ tham gia vào các hoạt động ở những tình huống khác nhau trong mối quan hệ với người xung quanh, cũng như trong cả cộng đồng rộng lớn” [2; tr 357].

2.2. Trong giáo dục. Hiện nay, nhà trường phổ thông Việt Nam đã có nhiều thay đổi trong cách nhìn nhận về *văn bản*. Văn bản không đơn giản chỉ có kênh chữ mà còn có sự kết hợp của các hình thức biểu đạt khác. Đặc biệt, từ sau khi tham gia chương trình đánh giá học sinh quốc tế (PISA) năm 2012, cách hiểu về văn bản đã được mở rộng. Theo PISA, ngoài *văn bản liền mạch* (được hiểu là một đoạn văn, một phần, một bài, một chương... hoàn chỉnh, liền mạch; loại văn bản này bao gồm các dạng văn bản: tự sự, giải thích, miêu tả, lập luận, giới thiệu, tư liệu hoặc ghi chép...) còn tồn tại *văn bản không liền mạch* (là các dạng văn bản kết hợp nhiều hình thức thể hiện, nhiều kí hiệu khác nhau... không được kết cấu bằng những đoạn văn liền mạch; loại văn bản này bao gồm: biểu đồ và đồ thị, bảng biểu và ma trận, sơ đồ, bản đồ, thông tin tờ rơi, tín hiệu và quảng cáo, hoá đơn, chứng từ, văn bằng, chứng chỉ...). Tuy nhiên, đó mới chỉ là một bộ phận nhỏ mà phần lớn chương trình Ngữ văn hiện hành vẫn bị giới hạn trong cách hiểu truyền thống về văn bản (văn bản chỉ đơn giản là kênh chữ). Có thể nói, việc dạy đọc hiểu Ngữ văn vẫn nằm trong văn bản truyền thống. Hệ thống sách giáo khoa, sách bài tập, sách giáo viên Ngữ văn cấp THPT sử dụng kênh chữ là hình thức biểu đạt chủ yếu, rất ít sử dụng kênh hình.

Trong khi đó, xu thế quốc tế của các nước có nền kinh tế phát triển đã chuyển sang giáo dục đa phương thức. Trong chương trình giáo dục của các nước Úc, Mĩ, Anh, Hàn Quốc, dạy đọc hiểu VBĐPT trong môn *Ngữ văn* đã trở thành một yêu cầu bắt buộc. Hiện nay, họ còn tiếp tục mở rộng khái niệm VBĐPT, nó không chỉ là sự kết hợp của kênh chữ với kênh hình, sơ đồ, bảng biểu... mà còn kết hợp với các hình thức biểu hiện của nhiều ngành khác nhau như: hình ảnh tĩnh, hình ảnh động, âm thanh, màu sắc... Sự phát triển của giáo dục nói chung và môn *Ngữ văn* nói riêng đòi hỏi học sinh phải vận dụng nhiều giác quan để tiếp nhận, thưởng thức một VBĐPT. Nếu trước đây, người học chỉ sử dụng thị giác để nhìn, đọc thì hiện nay học sinh phải vận dụng thị giác để quan sát kĩ, kết hợp thính giác để nghe, đồng thời vận dụng các giác quan khác để cảm nhận, nối kết nhiều hiểu biết về kiến thức của các lĩnh vực.

Hiện nay, phần lớn các hệ thống giáo dục phổ thông trên thế giới đã công nhận giáo viên dạy tất cả các bộ môn đều cần phải dạy học sinh cách mà ngôn ngữ và hình ảnh đặc trưng trong các môn học đó xây dựng, truyền tải nội dung kiến thức chuyên môn của ngành học đó. Việc phát triển năng lực đọc hiểu tối thiểu cho học sinh là một vấn đề quan trọng mang tính chất cơ bản đối với việc học tập của học sinh trong tất cả các môn học. Bởi lẽ, khi học sinh học lên bậc học cao hơn, họ cần học các môn như khoa học tự nhiên (*Vật lí, Hóa học, Sinh học*) và các môn khoa học xã hội (*Lịch sử, Địa lí...*) với mức độ phức tạp ngày càng tăng dần để có thể hướng tới sở hữu kiến thức chuyên môn cao của các ngành khoa học này. Điều đó có nghĩa là học sinh cần phải học những dạng thức ngôn ngữ chuyên biệt cho từng loại chuyên ngành khoa học và việc này không chỉ liên quan đến việc học từ vựng hay thuật ngữ chuyên ngành mà còn liên quan đến những dạng thức ngữ pháp của ngôn ngữ trong văn bản viết với chức năng truyền tải kiến thức chuyên sâu hơn và trừu tượng hơn.

Vì vậy, đọc hiểu VBĐPT không chỉ là cơ sở cho học môn *Ngữ văn* mà còn là cơ sở cho việc đọc hiểu các môn học khác (các môn khoa học tự nhiên và khoa học xã hội). Với những hiểu biết về đọc hiểu VBĐPT, học sinh có phương tiện để có thể đọc được các thể loại văn bản khác nhau nhằm mục đích “Báo cáo hoặc tường thuật” (ví dụ Tường thuật lại quá trình thí nghiệm một hiện tượng gì đó và Báo cáo kết quả thí nghiệm), “Giải thích” (ví dụ giải thích một hiện tượng khoa học) hoặc “Tranh luận” (ví dụ trình bày ý kiến về một hiện tượng trong đời sống với những quan điểm khác nhau như “mặc áo dài truyền thống đến trường hay mặc đồng phục mới”)...

PGS.TS. Nguyễn Thành Thi đã khẳng định vai trò của hệ thống văn bản trong xây dựng chương trình, chuẩn kĩ năng môn *Ngữ văn*. Theo tác giả, “nguồn văn bản phải bao gồm hai mảng văn bản văn học và văn bản thông tin. Tỉ trọng giữa hai mảng này phải hợp lí” [3; tr 140]. Bài biết đã chỉ rõ “văn bản thông tin hay văn bản cung cấp thông tin gồm nhiều dạng thức như: văn bản thể hiện, trình bày, bình luận, bài viết, bài phát biểu, nói chuyện, văn bản tiểu sử, bài báo, văn bản lịch sử, văn bản khoa học dành cho đại chúng... và dạng văn bản pha trộn” [3; tr 142]. Văn bản thông tin chính là một trong những dạng biểu hiện của VBĐPT, bao gồm sự kết hợp của hai hay nhiều phương thức biểu đạt khác nhau. Như vậy, tác

(Xem tiếp trang 64)

giúp cho GV và trẻ có sự kiểm định và điều chỉnh sao cho phù hợp và hiệu quả. Chính vì thế quá trình tổ chức đánh giá cần phải được tổ chức một cách thường xuyên, liên tục. Trong quá trình tổ chức, trẻ được tự đánh giá, tự nêu ý kiến về thành tích hoạt động của bản thân như: Con đã cùng các bạn thảo luận, con đã cùng lựa chọn hình ảnh phù hợp, con đã tìm ra cách giải quyết nhiệm vụ GV giao cho,... Cách đánh giá này sẽ giúp trẻ nhìn nhận lại bản thân và các bạn, từ đó trẻ biết so sánh, đánh giá với bạn cùng nhóm, lớp và chia sẻ, giúp đỡ lẫn nhau học tập kinh nghiệm.

Cần phải xác định được các sản phẩm mà trẻ cần đạt được trong HĐN, trong đó có cả sản phẩm vật chất và sản phẩm tinh thần. Nghĩa là, trẻ chỉ được GV công nhận, được khen khi vừa cùng làm ra sản phẩm (BĐTD) vừa biết hợp tác với nhau trong quá trình hoạt động chung. Cách đánh giá này sẽ kích thích động cơ, hứng thú hoạt động hợp tác, tinh thần trách nhiệm, khả năng sáng tạo, rèn luyện tinh thần bền bỉ, kiên trì, năng lực đánh giá cho trẻ.

Kết thúc quá trình đánh giá, GV tổng kết lại tất cả kết quả hoạt động của trẻ đã làm được. Sử dụng BĐTD hoàn chỉnh giúp trẻ khái quát lại những nội dung chính, tóm tắt những nội dung trẻ đã tìm hiểu đồng thời nhấn mạnh lại một lần nữa cho trẻ biết, kết quả này là sự nỗ lực phấn đấu của các bạn trong lớp.

HĐN có ý nghĩa quan trọng khi tạo cho trẻ cơ hội để phát triển nhận thức, hình thành và rèn luyện phẩm chất quan trọng như tính chủ động, độc lập, tích cực. Hơn thế nữa, khi tham gia HĐN, trẻ có cơ hội phát triển khả năng giao tiếp và một số năng lực cần thiết như khả năng hợp tác, biết chia sẻ, lắng nghe... Tổ chức HĐN để trẻ được học bằng BĐTD là một cách làm mới, phù hợp và khả thi trong nhà trường mầm non, góp phần phát triển tư duy cho trẻ, kích thích sự sáng tạo và tập dượt cho trẻ một số kỹ năng giao tiếp và hợp tác. □

Tài liệu tham khảo

- [1] Buzan Tony (2006). *The mind map book*. Pearson Education Limited, UK.
- [2] Nguyễn Thị Ánh Tuyết - Nguyễn Thị Như Mai (2008). *Giáo trình sự phát triển tâm lý trẻ em lứa tuổi mầm non*. NXB Giáo dục.
- [3] Nguyễn Thị Mỹ Lộc - Đinh Thị Kim Thoa - Phan Thị Thảo Hương (2011). *Giáo dục giá trị sống và kỹ năng sống cho trẻ mầm non*. NXB Đại học Quốc gia Hà Nội.
- [4] Buzan Tony (biên dịch: Lê Huy Lâm) (2008). *Hướng dẫn kỹ năng học tập theo phương pháp Buzan*. NXB Tổng hợp TP. Hồ Chí Minh.
- [5] Deladrière Jean-Luc - Brihan Frédéric - Mongin Pierre - Rebaud Denis (2009), (biên dịch: Trần Chánh Nguyễn). *Sắp xếp ý tưởng với sơ đồ tư duy*. NXB Tổng hợp TP. Hồ Chí Minh.

Văn bản đa phương thức...

(Tiếp theo trang 68)

giả đã khẳng định tầm quan trọng của đọc hiểu VBĐPT đối với sự phát triển của môn *Ngữ văn* nói riêng và sự phát triển của giáo dục nói chung.

Đứng trước hiện trạng của dạy học Ngữ văn hiện nay và với xu thế phát triển của các nước có nền giáo dục tiên tiến, Bộ GD-ĐT đang biên soạn lại chương trình Ngữ văn với định hướng “*giúp học sinh có thể sử dụng tiếng Việt thành thạo để giao tiếp hiệu quả trong cuộc sống hàng ngày và học tập các môn học khác; có thể đọc, viết, nói, nghe các dạng văn bản phổ biến và thiết yếu, đồng thời qua môn học, học sinh được bồi dưỡng và phát triển về tâm hồn và nhân cách... Kiến thức tiếng Việt và văn học được tích hợp trong quá trình dạy học đọc, viết, nói và nghe thông qua các văn bản văn học và văn bản thông tin*” [4; tr 15]. □

Tài liệu tham khảo

- [1] Annemaree O'Brien. *Creating multimodal texts*, <http://creatingmultimodaltexts.com>
- [2] Đỗ Ngọc Thống (2011). *Chương trình Ngữ văn trong nhà trường phổ thông Việt Nam*. NXB Giáo dục Việt Nam.
- [3] Nguyễn Thành Thi (2014). *Năng lực giao tiếp như là kết quả phát triển tổng hợp kiến thức và các kỹ năng đọc, viết, nói, nghe trong dạy học Ngữ văn*. Tạp chí khoa học, Đại học Sư phạm TP. Hồ Chí Minh, số 56.
- [4] Bộ GD-ĐT (2015). *Dự thảo chương trình giáo dục phổ thông tổng thể*.
- [5] *Multimodal Text - Glossary Term*, <http://www.australiancurriculum.edu>
- [6] Nhiều tác giả (2011). *Sổ tay Pisa dành cho cán bộ quản lý giáo dục và giáo viên trung học*, Hà Nội.
- [7] Michael Home - Ryan Johnstone - Susan Leslie (2009). *VCE Oxford English 1&2, re-imagining VCE English*. Oxford University Press, Australia & New Zealand.